

Quyền sở hữu trí tuệ từ góc độ quản lý nhà nước

Thạc sĩ TRƯƠNG THÙY TRANG

Thách thức

Hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra các thách thức:

- Hàng rào thuế quan bãi bỏ, các sản phẩm của Việt Nam không chỉ cạnh tranh trên trường quốc tế (xuất khẩu) mà cạnh tranh ngay trên sân nhà.

- Muốn cạnh tranh được đòi hỏi sản phẩm phải đáp ứng yếu tố thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng này càng cao về chất lượng, mẫu mã và tính năng công dụng, yếu tố chi phí thấp, giá thành hạ, yếu tố phương thức cung cấp và thanh toán hàng hóa, yếu tố bảo vệ môi trường...

Các yếu tố này liên quan đến trình độ kỹ thuật công nghệ áp dụng trong sản xuất kinh doanh, trình độ tay nghề chuyên môn, đến năng lực quản lý, đến tiếp cận thông tin và đến nguồn vốn đầu tư.

Như vậy phát triển khoa học công nghệ và thu hút đầu tư là những yếu tố tiên quyết quyết định đến khả năng cạnh tranh và phát triển, hội nhập kinh tế. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong đó có sở hữu công nghiệp nhằm mục đích bảo hộ các thành quả đầu tư, thành quả lao động của con người để họ có cơ hội thu được lợi ích và tiếp tục tái tạo, phát triển các hoạt động sáng tạo phục vụ con người.

Do vậy nó là động lực phát triển sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ. Mặt khác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là công cụ cân bằng hài hòa lợi ích của các bên: chủ đầu tư, người lao động sáng tạo, nhà sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng do vậy nó là cơ sở của các quan hệ thương mại song phương và đa phương.

Việc không bảo hộ đầy đủ và có hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ bị coi là tạo ra rào cản đối với thương mại quốc tế và trở thành cái "cờ" để trừng phạt các nước.

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có hiệu quả sẽ tạo môi trường thu hút đầu tư.

Quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp bảo đảm đầu tư quan trọng kể cả đầu tư trong nước và nước ngoài. Một trong các yếu tố mà nhà đầu tư tính toán là khả năng kiểm soát thị trường phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Việc khai thác độc quyền của quyền sở hữu trí tuệ sẽ là rào cản có hiệu lực khi xuất hiện các cạnh tranh không lành mạnh như các hoạt động nhập khẩu, sản xuất làm hàng giả.



Ảnh Hòa Tân

Kết quả

Từ các nhận thức nói trên, hệ thống bảo hộ quyền sở hữu nói chung và quyền sở hữu công nghiệp nói riêng của Việt Nam đã đạt được những kết quả khả quan như sau:

1. Nhận thức và hiểu biết về quyền sở hữu công nghiệp

Trong vòng 5 năm từ năm 1998 đến 2002: số lượng đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp tăng như sau:

Đối tượng Năm	Nhãn hiệu	Kiểu dáng	Sáng chế	Giải pháp hữu ích
1997	1.645	999	30	24
1998	1.614	931	25	15
1999	2.380	899	35	28
2000	3.438	1.084	34	35
2001	3.095	810	52	35
Tổng cộng 5 năm	12.172	4.723	176	137

Bảng số liệu cho thấy nhận thức về bảo hộ nhãn hiệu cao nhất, các đối tượng khác liên quan đến kỹ thuật công nghệ thì thấp. Có thể là do chưa nhận thức và hiểu biết giá trị, cũng có thể là do năng lực khoa học công nghệ hạn chế hoặc là do hệ thống pháp luật chưa đáp ứng nên không khuyến khích bảo hộ.

So sánh với số đơn đăng ký của người nước ngoài thì sáng chế Việt Nam là 4%, giải pháp hữu ích Việt Nam là 5%, kiểu dáng công nghiệp Việt Nam là 89%, nhãn hiệu là 45%.

Số lượng đối tượng cấp phép sử dụng

Các bên tham gia ký kết Năm	VN-VN	VN-NN	NN-NN	Tổng số
1997	20	103	47	170
1998	08	183	44	235
1999	20	214	49	283
2000	18	208	31	257
2001	15	267	45	327

Số lượng đối tượng mua bán

Các bên tham gia ký kết Năm	VN-VN	VN-NN	NN-NN	Tổng số
1997	52	03	112	167
1998	69	25	308	402
1999	222	12	191	425
2000	191	07	456	654
2001	328	03	530	861

Khiếu nại về cấp văn bằng

Đối tượng Năm	Sáng chế và giải pháp hữu ích	Kiểu dáng công nghiệp	Nhãn hiệu hàng hóa	Tổng cộng
1997	2	5	257	264
1998		21	372	393
1999		9	306	315
2000	1	4	327	332
2001		7	341	351

Khiếu nại xâm phạm quyền

Đối tượng Năm	Sáng chế và giải pháp hữu ích	Kiểu dáng công nghiệp	Nhãn hiệu hàng hóa	Tổng cộng
1997		32	124	156
1998		20	219	239
1999		41	110	151
2000		60	119	179
2001	2	93	198	293

2. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp

- Hội thi sáng tạo kỹ thuật.
- Chương trình hỗ trợ đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích.
- Chương trình bảo hộ nhãn tập thể, chỉ dẫn địa lý nước mắm Phú Quốc.
- Chương trình liên kết các cơ quan hành chính thực thi.
- Xây dựng mô hình hỗ trợ khai thác quyền.
- Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu sở hữu công nghiệp và mạng thông tin thành phố về sở hữu công nghiệp.

Tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ

1. Pháp lệnh về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và các điều ước quốc tế Việt Nam đã tham gia chưa được phổ biến rộng rãi nên các doanh nhân và các doanh nghiệp không hiểu biết rõ về quyền và nghĩa vụ của mình. Nhìn chung, các doanh nghiệp và doanh nhân Việt Nam chưa quan tâm đến lãnh vực sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan. Khi có việc xảy ra rồi mới tìm người tư vấn, tìm cơ quan bảo hộ quyền lợi cho mình.

2. Các tranh chấp mà các doanh nghiệp và doanh nhân thường gặp phải là:

- Bị vi phạm hoặc là người vi phạm quyền sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp.
- Bị giả hàng hóa (có cả hàng hóa từ nước ngoài đưa vào Việt Nam).
- Bị giả một phần hoặc giả toàn bộ nhãn hiệu hàng hóa đã đăng ký.

3. Đánh giá về thủ tục pháp lý:

- Để có cơ sở chứng minh về việc bị xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ rất khó, tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ càng khó hơn.
- Xử lý còn quá nhẹ (bồi thường ít khi bị xử lý hình sự...), Tòa án xử rất ít.
- Chứng minh về sự thiệt hại rất khó khăn.
- Cần sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan thẩm quyền: quản lý thị trường, cảnh sát kinh tế, quản lý chợ, Cục sở hữu công nghiệp...

4. Lời khuyên

- Phải đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo luật pháp Việt Nam và pháp luật quốc tế.
- Có bộ phận thường xuyên theo dõi để phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.
- Yêu cầu nhiều cơ quan bảo vệ khi phát hiện vi phạm.
- Cần được tư vấn về quyền sở hữu trí tuệ thường xuyên và nhất là khi có tranh chấp.
- Quan hệ chặt chẽ với khách hàng cần có thông tin, đường dây nóng để kịp thời phát hiện bị xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.
- Nếu bị khiếu nại thì phải kịp thời tham vấn để xác định có vi phạm hay không, mức độ vi phạm, mức độ bồi thường thiệt hại ■

LS. Trương Thị Hòa

3. Lời khuyên

- Nhận thức và xác lập quyền sở hữu công nghiệp trước khi có các đầu tư triển khai sản xuất kinh doanh.
- Nên thông qua các cơ quan, tổ chức chuyên nghiệp tư vấn tránh rủi ro, chậm trễ.
- Quản lý tài sản sở hữu công nghiệp.
- Quảng bá, tiếp thị tài sản sở hữu công nghiệp ■